

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 135/1998/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 04/1998/NQ-CP của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 3 năm 1998;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban Dân tộc và Miền núi và Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa, do Ủy ban Dân tộc và Miền núi là cơ quan thường trực giúp Chính phủ chỉ đạo thực hiện, gồm các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao nhanh đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng này thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hoà nhập vào sự phát triển chung của cả nước; góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn từ năm 1998 đến 2000:

Về cơ bản không còn các hộ đói kinh niên, mỗi năm giảm được 4 - 5% hộ nghèo.

Bước đầu cung cấp cho đồng bào có nước sinh hoạt, thu hút phần lớn trẻ em trong độ tuổi đến trường; kiểm soát được một số loại dịch bệnh hiểm nghèo; có đường giao thông dân sinh kinh tế đến các trung tâm cụm xã; phần lớn đồng bào được hưởng thụ văn hoá, thông tin.

b) Giai đoạn từ năm 2000 đến 2005:

Giảm tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn xuống còn 25% vào năm 2005.

Bảo đảm cung cấp cho đồng bào có đủ nước sinh hoạt; thu hút trên 70% trẻ em trong độ tuổi đến trường; đại bộ phận đồng bào được bồi dưỡng, tiếp thu kinh nghiệm sản xuất, kiến thức khoa học, văn hóa, xã hội, chủ động vận dụng vào sản xuất và đời sống; kiểm soát được phần lớn các dịch bệnh xã hội hiểm nghèo; có đường giao thông cho xe cơ giới và đường dân sinh kinh tế đến các trung tâm cụm xã; thúc đẩy phát triển thị trường nông thôn.

II. NGUYÊN TẮC CHỈ ĐẠO:

1. Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa, trước hết phải dựa trên cơ sở phát huy nội lực của từng hộ gia đình và sự giúp đỡ của cộng đồng, đồng thời có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước để khai thác nguồn lực tại chỗ về đất đai, lao động và các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trong vùng, tạo ra bước chuyển biến mới về sản xuất và đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào.

2. Nhà nước tạo môi trường pháp luật và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư vốn ngân sách, nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án trên địa bàn và nguồn vốn viện trợ của các nước, các tổ chức quốc tế đầu tư cho vùng các xã đặc biệt khó khăn.

3. Việc thực hiện chương trình phải có giải pháp toàn diện, trước hết là tập trung phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; đồng thời thúc đẩy phát triển giáo dục, y tế, văn hoá xã hội trong vùng.

4. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các Bộ, ngành có trách nhiệm giúp các xã thuộc phạm vi chương trình; khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, các tổ chức xã hội- nghề nghiệp, các doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân trong cả nước, đồng bào Việt nam ở nước ngoài... tích cực đóng góp, ủng hộ thực hiện chương trình.

III. PHẠM VI CHƯƠNG TRÌNH:

1. Trong 1.715 xã thuộc diện khó khăn, Trung ương lựa chọn khoảng 1.000 xã (có danh sách kèm theo) thuộc các huyện đặc biệt khó khăn để tập trung đầu tư thực hiện theo chương trình này. Những xã còn lại được ưu tiên đầu tư thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án, chương trình phát triển khác.

2. Thời gian thực hiện chương trình từ năm 1998 đến năm 2005.

IV. NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

1. Quy hoạch bố trí lại dân cư ở những nơi cần thiết, từng bước tổ chức hợp lý đời sống sinh hoạt của đồng bào các bản, làng, phum, sóc ở những nơi có điều kiện, nhất là những xã vùng biên giới và hải đảo, tạo điều kiện để đồng bào nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống.

2. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm để khai thác nguồn tài nguyên và sử dụng lao động tại chỗ, tạo thêm nhiều cơ hội về việc làm và tăng thu nhập, ổn định đời sống, từng bước phát triển sản xuất hàng hóa.

3. Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phù hợp với quy hoạch sản xuất và bố trí lại dân cư, trước hết là hệ thống đường giao thông; nước sinh hoạt; hệ thống điện ở những nơi có điều kiện, kể cả thủy điện nhỏ.

4. Quy hoạch và xây dựng các trung tâm cụm xã, ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình về y tế, giáo dục, dịch vụ thương mại, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cơ sở phục vụ sản xuất và phát thanh truyền hình.

5. Đào tạo cán bộ xã, bản, làng, phum, sóc, giúp cán bộ cơ sở nâng cao trình độ quản lý hành chính và kinh tế để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Điều 2. Một số chính sách chủ yếu

1. Chính sách đất đai:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo thực hiện giao đất giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gắn với công tác định canh, định cư phát triển vùng kinh tế mới, tạo điều kiện cho đồng bào có đất sản xuất, ổn định đời sống.

a) Ở miền núi, nơi có dự án bảo vệ, trồng rừng, hộ nông dân được nhận khoán bảo vệ, khoán nuôi tái sinh kết hợp trồng bổ sung, được giao đất để trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo quy định tại Quyết định số 661/1998/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về "mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha

rừng". Mức diện tích giao khoán tùy theo điều kiện cụ thể ở mỗi địa phương, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Ở những nơi nông dân không có đất hoặc có quá ít đất để sản xuất nông lâm nghiệp, giải quyết theo hướng sau đây:

Ở những tỉnh còn đất hoang hóa có thể khai hoang để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thì Nhà nước hỗ trợ đầu tư việc khai hoang, phục hóa giao đất cho dân sản xuất.

Giao cho nông, lâm trường quốc doanh và nông, lâm trường quân đội đóng trên các địa bàn, có trách nhiệm tiếp nhận đồng bào không có đất, đồng bào du canh, du cư và giao khoán đất cho đồng bào sản xuất.

Ủy ban nhân dân các tỉnh thực hiện các chính sách khuyến khích các tổ chức nông, lâm nghiệp ngoài quốc doanh tiếp nhận, giải quyết việc làm cho các hộ nông dân nghèo.

Nhà nước dành khoản vốn đầu tư để mở mang một số vùng kinh tế mới, chủ yếu để tiếp nhận những hộ nông dân nghèo đến sản xuất bao gồm các vùng Tứ giác Long Xuyên, Tây Nguyên, Bình Thuận và một số vùng khác có điều kiện. Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan khẩn trương thực hiện nhiệm vụ này.

2. Chính sách đầu tư, tín dụng:

a) Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp. Nơi có thể làm thủy lợi để phát triển lúa nước thì Nhà nước dùng vốn ngân sách để hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình thủy lợi. ở một số địa bàn vùng cao, đặc biệt khó khăn không có ruộng nước thì Nhà nước hỗ trợ kinh phí để làm ruộng bậc thang, giúp đồng bào có điều kiện sản xuất lương thực tại chỗ.

b) Nhà nước ưu tiên trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống cho các hộ nông dân thuộc vùng các xã đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ.

c) Các hộ gia đình được giao đất, giao rừng để trồng cây công nghiệp, cây lấy quả, cây đặc sản, cây làm thuốc và sản xuất lâm nghiệp được hưởng chính sách theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 661/1998/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 1998 về "Mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng".

d) Các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình khác có liên quan trên địa bàn phải dành phần ưu tiên đầu tư cho chương trình này. Các hộ gia đình thuộc phạm vi chương trình được ưu tiên vay vốn từ ngân hàng người nghèo và các nguồn vốn tín dụng ưu đãi khác để phát triển sản xuất..

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc phạm vi chương trình này tập trung chỉ đạo, huy động các nguồn lực tại chỗ để thực hiện chương trình. Ngoài nguồn vốn đầu tư phát triển chung toàn vùng, Nhà nước còn hỗ trợ vốn để thực hiện các nội dung công việc sau:

Xây dựng các trung tâm cụm xã bằng nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo.

Phát triển hệ thống giao thông: Mỗi huyện được cấp 01 máy san ủi, 01 xe ben, 01 xe lu. Nhà nước hỗ trợ thuốc nổ, xi măng, sắt, thép để làm ngàm, cầu, cống và lương thực để làm đường giao thông nông thôn.

Xây dựng công trình điện: ở nơi có điều kiện, Nhà nước hỗ trợ đầu tư làm lưới điện đến trung tâm cụm xã theo quy hoạch, phù hợp với khả năng đầu tư từng thời gian. ở nơi có điều kiện làm thủy điện nhỏ, Nhà nước hỗ trợ nhân dân một phần kinh phí và cho vay tín dụng đầu tư để phát triển.

Những nơi khó khăn về nguồn nước sinh hoạt: Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí để xây dựng một số điểm cung cấp nước tập trung, phù hợp với quy hoạch dân cư.

e) Nhà nước khuyến khích thành lập các tổ, nhóm liên gia để giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, đời sống, vay và sử dụng có hiệu quả các nguồn tín dụng trong nông thôn.

g) Đồng bào trong vùng các xã đặc biệt khó khăn được hưởng chế độ chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh ở các cơ sở y tế của nhà nước không mất tiền theo quy định tại Nghị định số 95/CP ngày 27 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ.

3. Chính sách phát triển nguồn nhân lực:

a) Nhà nước đầu tư kinh phí để đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở xã, bản, làng, phum, soóc để nâng cao trình độ tổ chức chỉ đạo, quản lý sản xuất, quản lý hành chính và khả năng quản lý sử dụng các nguồn tín dụng nông thôn phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.